

CÔNG TY CỔ PHẦN DAP - VINACHEMSố: 26.../GT-DAPV/v: giải trình sự biến động lợi nhuận sau thuế TNDN
trên BCTC quý IV/2023 so với cùng kỳ năm trước**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Hải Phòng, ngày 15 tháng 01 năm 2024Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Công ty: Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (DDV)

Trụ sở chính: Lô N5.8 Khu công nghiệp Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ, Cát Hải, Phường Đông Hải II, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 02253 979 368

Fax: 02253 979 170

Website: www.dap-vinachem.com.vn

Email: daphaiphong@gmail.com

Căn cứ báo cáo tài chính quý IV/2023, Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM (mã chứng khoán DDV) xin được giải trình sự biến động lợi nhuận sau thuế TNDN quý IV/2023 so với cùng kỳ năm trước (quý IV/2022) như sau:

Loại báo cáo	Lợi nhuận sau thuế		Chênh lệch (1) - (2)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
	Quý IV/2023 (1)	Quý IV/2022 (2)		
Báo cáo tài chính	62.494.030.181	7.119.922.193	55.374.107.988	777,73%

Nguyên nhân:

STT	Chỉ tiêu	Quý IV/2023	Quý IV/2022	Chênh lệch	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
(I)	(II)	(III)	(IV)	(V) = (III) - (IV)	
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	846.020.160.802	820.037.964.343	25.982.196.459	3,17%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	10.589.287.565	12.459.154.554	(1.869.866.989)	-15,01%
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	835.430.873.237	807.578.809.789	27.852.063.448	3,45%
4	Giá vốn hàng bán	713.862.087.809	782.832.586.812	(68.970.499.003)	-8,81%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	121.568.785.428	24.746.222.977	96.822.562.451	391,26%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	17.507.185.586	9.606.666.051	7.900.519.535	82,24%
7	Chi phí tài chính	1.387.294.947	3.536.013.747	(2.148.718.800)	-60,77%
8	Chi phí bán hàng	30.117.281.703	15.673.868.393	14.443.413.310	92,15%
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	36.588.762.337	5.906.671.246	30.682.091.091	519,45%
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	70.982.632.027	9.236.335.642	61.746.296.385	668,52%
11	Thu nhập khác	5.193.647	161.636.090	(156.442.443)	-96,79%
12	Chi phí khác	51.340.706	734.752.871	(683.412.165)	-93,01%
13	Lợi nhuận khác	(46.147.059)	(573.116.781)	526.969.722	-91,95%
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	70.936.484.968	8.663.218.861	62.273.266.107	718,82%
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.442.454.787	1.543.296.668	6.899.158.119	447,04%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	
17	Lợi nhuận sau thuế TNDN	62.494.030.181	7.119.922.193	55.374.107.988	777,73%

Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN quý IV/2023 lãi với số tiền 62.494 trđ, tăng so với cùng kỳ năm trước với số tiền 55.374 trđ, tương ứng với tỷ lệ tăng 777,73% là do:

- Quý IV/2023, sản lượng DAP tiêu thụ là 61.649 tấn, tăng 10.097 tấn, tương ứng với tỷ lệ tăng 19,6% so với cùng kỳ năm trước. Tuy sản lượng tiêu thụ tăng, nhưng giá bán bình quân kỳ này lại giảm với số tiền là 2,073 trđ/tấn, tương ứng với tỷ lệ giảm 13,5% so với cùng kỳ năm trước (Giá bán bình quân đã trừ chiết khấu quý IV/2022 là 15,418 trđ/tấn)

- Các khoản giảm trừ doanh thu kỳ này là 10.589 trđ, giảm so với cùng kỳ năm trước với số tiền 1.870 trđ, do kỳ này chủ yếu là hàng xuất khẩu không phát sinh chiết khấu thương mại.

- Giá vốn hàng bán kỳ này là 713.862 trđ, giảm so với cùng kỳ năm trước với số tiền là 68.970 trđ, tương ứng với tỷ lệ giảm 8,8%. Giá vốn hàng bán giảm trong khi sản lượng tiêu thụ lại tăng, chủ yếu là do giá một số nguyên liệu chính kỳ này giảm sâu so với cùng kỳ năm trước (lưu huỳnh giảm 61%; Amoniac giảm 41,5%...). Ngoài ra, kỳ này phát sinh hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho với số tiền 15.780 trđ cũng là nguyên nhân làm giá vốn hàng bán giảm so với cùng kỳ năm trước.

- Doanh thu hoạt động tài chính kỳ này là 17.507 trđ, tăng với số tiền là 7.900 trđ, tương ứng với tỷ lệ tăng 82,24% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là do phát sinh lãi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

- Chi phí tài chính kỳ này là 1.387 trđ, giảm so với cùng kỳ năm trước là 2.148 trđ. Chi phí tài chính giảm chủ yếu là giảm tiền chi phí lãi vay và chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

- Chi phí bán hàng kỳ này là 30.117 trđ, tăng với số tiền 14.443 trđ so với cùng kỳ năm trước. Chi phí bán hàng tăng chủ yếu là do sản lượng bán hàng tăng làm tăng chi phí liên quan đến công tác tiêu thụ sản phẩm như phí ủy thác xuất khẩu, thường đại lý tiêu thụ ...

- Chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ này là 36.588 trđ, tăng 519,45%, tương ứng tăng với số tiền 30.682 trđ so với cùng kỳ năm trước. Chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ này tăng cao chủ yếu do phân loại lại hạch toán tiền thuê đất, trích lập dự phòng phải thu khó đòi và phát sinh tăng một số khoản chi phí khác so với cùng kỳ năm trước.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này phải nộp với số tiền 8.442 trđ, tăng so với cùng kỳ năm trước với số tiền 6.899 trđ. Chi phí thuế TNDN phải nộp kỳ này tăng do tăng lợi nhuận trước thuế và tăng mức thuế suất thuế TNDN phải nộp so với cùng kỳ năm trước (Quý IV/2022 và cả năm 2022 Công ty vẫn đang được giảm 50% mức thuế suất, thuế TNDN phải nộp)

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KTTTC; TCHC.

